



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCL
ngày tháng 4 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm - Phòng Quản lý chất lượng**

Laboratory: **Testing Laboratory - Quality Assurance Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL**

Organization: **VNSTEEL - Southern Steel Company limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Cơ**

Field of testing: **Chemical, Mechanical,**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Lê Như Tuấn**

Số hiệu/ Code: **VILAS 254**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày /04/2025 đến ngày 07/06/2030.**

Địa chỉ/Address: **KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Phu My I Industrial zone, Phu My ward, Phu My city, Ba Ria - Vung Tau province

Địa điểm/Location: **KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Phu My I Industrial zone, Phu My ward, Phu My city, Ba Ria - Vung Tau province

Điện thoại/ Tel: **0254 3922091** Fax: **0254 3921005**

E-mail: **tuanln@thepmiennam.com.vn** Website: **www.thepmiennam.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 254**Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**Field of testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cacbon và hợp kim thấp <i>Cacbon and low alloy steel</i>	Phân tích thành phần hóa học bằng phương pháp quang phổ phát xạ <i>Analysis of chemical composition by spark atomic emission spectrometry method</i>	C: (0,02 ~ 1,1) %	ASTM E415 - 21
			Mn: (0,03 ~ 2,0) %	
			Si: (0,02 ~ 1,54) %	
			P: (0,006 ~ 0,085) %	
			S: (0,001 ~ 0,055) %	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 254

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cốt bê tông (Φ 6 đến Φ 43) Steel reinforced concrete (Φ 6 to Φ 43)	Thử kéo: - Xác định giới hạn chảy; - Xác định giới hạn bền; - Xác định độ giãn dài. <i>Tensile test:</i> - <i>Determination of yield point;</i> - <i>Determination of tensile strength;</i> - <i>Determination of elongation.</i>	(10 ~ 2 000) kN	TCVN 7937-1:2013 TCVN 197-1:2014 ASTM A370-24 JIS Z 2241:2022 BS EN ISO 15630-1: 2002
2.		Thử uốn <i>Bending test</i>	Góc uốn/ <i>Angle:</i> đến/to 180°	TCVN 7937-1:2013 TCVN 198:2008 ASTM A370-24 JIS Z 2248:2022 BS EN ISO 15630-1: 2002

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*
- ASTM: Hội Thử nghiệm và Vật liệu Mỹ/ *American Society for Testing and Materials*
- JIS: Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản/ *Japanese Industrial Standards*
- BS: Tiêu chuẩn Vương quốc Anh/ *British Standard*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the VNSTEEL - Southern Steel Company limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

